

# SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN ĐỂ QUẢN TRỊ CHI PHÍ KINH DOANH

 Th.S. Trần Diệu Hương\*

Nhận: 29/03/2023

Biên tập: 30/03/2023

Duyệt đăng: 30/05/2023

## Tóm tắt

Nền kinh tế xã hội biến đổi không ngừng, vì vậy môi trường kinh doanh của doanh nghiệp (DN) cũng chịu sự ảnh hưởng. Kinh tế thị trường luôn thay đổi và phát triển, nó tác động rất lớn đối với hoạt động kinh doanh của DN và tạo ra sức cạnh tranh ngày càng mạnh. Các DN phải tìm hướng đổi mới và phát triển nguồn lực sẵn có, tìm kiếm nguồn lực mới để cải tiến sản xuất... Bên cạnh đó, các DN có thể tồn tại và phát triển trong điều kiện thị trường ngày nay, thì một trong những điều quan trọng là việc quản trị chi phí kinh doanh.

**Từ khóa:** thông tin kế toán, chi phí kinh doanh.

## Abstract

The market economy is always constantly changing, so the business environment of enterprises is also affected. The market economy is always changing and developing, it has a great impact on business activities of enterprises, creating increasingly strong competition. Enterprises always have to find innovative directions, develop available resources, find new resources to improve production... Besides, businesses to be able to survive and develop in changing market conditions change, one of the important things is the management of business expenses.

**Keywords:** accounting information system, business cost.

**JEL Classifications:** M11, M40, M49.

**DOI:** <https://doi.org/10.59006/vnfa-jaa.05202321>

## 1. Giới thiệu

Các nhà đầu tư tham gia thị trường kinh doanh, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hay bất kỳ loại hình DN nào cũng luôn đặt ra yêu cầu quản lý DN mang lại giá trị gia tăng cho đơn vị mình. Theo logic này thì các DN cần sử dụng công cụ kiểm soát. Kiểm soát là một quá trình xác định thành quả đạt được trên thực tế so với những tiêu chuẩn đặt ra, nhằm phát hiện sự sai lệch và tìm ra nguyên nhân sự sai lệch. Trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp điều chỉnh sai lệch nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu của DN. Để kiểm soát tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thì

một trong những hoạt động kiểm soát đó chính là kiểm soát chi phí. Các DN muốn kiểm soát tốt chi phí thì cần sử dụng hệ thống thông tin kế toán. Bài viết này đề cập đến việc sử dụng thông tin kế toán nhằm quản trị chi phí kinh doanh.

## 2. Nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nguồn dữ liệu sử dụng cho việc phân tích chính là những thông tin thu thập liên quan đến sự phát triển, sáng tạo và các đặc điểm cơ bản của quản lý chi phí. Sau đó, so sánh các khả năng quản lý và kiểm soát

chi phí khác nhau. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là tổng hợp, phân tích và suy luận.

## 3. Hệ thống thông tin kế toán

Nhìn chung, hệ thống thông tin kế toán được chia làm hai loại: Kế toán tài chính (KTTC) và Kế toán quản trị (KTQT). Việc phân loại này rất là quan trọng, nó phục vụ cho mục đích kiểm soát. Kiểm soát chi phí cần sử dụng thông tin kế toán từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị ra quyết định. Ví dụ như, một nhà quản lý sản xuất muốn có một báo cáo về số lượng đơn vị sản phẩm do các công nhân khác nhau thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả sản xuất hay người quản lý bán hàng muốn có được báo cáo bán hàng để đánh giá về khả năng sinh lời của các sản phẩm để tập trung nỗ lực bán hàng cho những sản phẩm đem lại lợi ích cho đơn vị. KTTC thiên về việc ghi chép và xử lý tình hình tài chính, tình hình kinh doanh hàng ngày trong DN. Cho phép các đối tượng bên ngoài nắm bắt được tình hình phát triển của DN thông qua báo cáo tài chính. Tuy nhiên, KTQT thiên về việc phân tích kỹ thuật để đảm bảo cho việc ra quyết định nội bộ và xây dựng phương án quản lý kinh doanh của DN. KTQT phản ánh đặc điểm tình hình chung của DN, thông qua việc kiểm soát sự phát triển

\*Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

chung của DN để hoạch định kế hoạch phát triển phù hợp cho DN thích ứng với nền kinh tế thị trường. Do vậy, các công ty thường không cung cấp báo cáo KTQT ra bên ngoài vì báo cáo KTQT chứa đựng nhiều thông tin bí mật.

Mặt khác, các đối tượng bên ngoài DN như cổ đông, chủ nợ, nhà đầu tư, các nhà phân tích lại muốn đánh giá tình hình tài chính của DN. Do đó, KTTC không thể thiếu. KTTC và KTQT đều cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng cụ thể. Cung - cầu thông tin kế toán được xác định dựa vào độ tin cậy của thông tin. Do đó, các thông tin kế toán rất cần thiết trong DN vì nó đem đến những thông tin cụ thể. Thông tin về kế toán mang đến những kiến thức về chi phí. Về nguyên tắc thì chi phí chính là sự hy sinh các nguồn lực. Thuật ngữ chi phí chỉ có ý nghĩa, khi nó được sử dụng trong khái niệm cụ thể.

Chính vì những lẽ đó, để quản trị tốt chi phí kinh doanh thì DN cần có hệ thống thông tin kế toán. Các thông tin kế toán bao gồm thông tin KTTC và thông tin KTQT: thông tin KTTC cung cấp cho nhà quản trị tình hình biến động của tài sản, nguồn vốn, tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn; kết quả hoạt động kinh doanh của DN như doanh thu, chi phí cũng như dòng tiền ra vào trong DN; thông tin KTQT giúp nhà quản trị hoạch định các kế hoạch trong tương lai, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng bộ phận, chức năng. Từ đó, nhà quản trị đưa ra được các quyết định kinh tế phù hợp, kịp thời.

#### 4. Thông tin chi phí

Có nhiều cách phân loại chi phí khác nhau, trong đó với cách phân loại chi phí theo đối tượng chịu chi phí thì

chi phí được phân ra làm hai loại: chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Chi phí trực tiếp là những khoản chi phí gắn liền trực tiếp với một đối tượng chịu chi phí. Ngược lại, những chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí chính là chi phí gián tiếp. Đối tượng chịu chi phí chính là bất kỳ các khoản mục hay đối tượng nào mà nhà quản lý muốn đo lường chi phí, nó có thể là các bộ phận, các phòng ban, các dòng sản phẩm hoặc các đơn vị sản phẩm.

Chi phí gián tiếp là những chi phí chung hoặc những chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí, hay người ta còn gọi là chi phí chung.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp thông thường liên quan đến một đối tượng chịu chi phí nên các nhà sản xuất thường theo dõi cho một đơn vị sản xuất cụ thể. Chi phí sản xuất chung là những chi phí mang lại khả năng sản xuất cho DN như nguyên vật liệu gián tiếp, chi phí nhân công gián tiếp, chi phí khấu hao tài sản cố định, điện, nước... để vận hành hoạt động sản xuất. Ngoài ra, còn có các khoản chi phí ngoài sản xuất như chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN.

Ngoài cách phân loại trên, chi phí còn được phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Theo cách phân loại này, chi phí được phân làm các loại: chi phí biến đổi, chi phí cố định và chi phí hỗn hợp. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian ngắn hạn, khi mức hoạt động thay đổi trong một giới hạn năng lực sản xuất thì đa số chi phí là cố định. Nhưng trong dài hạn, khi nhà quản trị tăng năng lực sản xuất vượt quá giới hạn sản xuất thì chi phí lúc này không còn cố định nữa.

Tổng chi phí có thể được biểu diễn qua công thức sau:

$$TC = F + VX$$

Trong đó:

TC: tổng chi phí

F: chi phí cố định trong một giới hạn sản xuất

V: chi phí biến đổi đơn vị hoạt động

X: số lượng đơn vị hoạt động trong kỳ

Chi phí cố định giúp DN duy trì hoạt động sản xuất trong một giới hạn nhất định. Các chi phí cố định khác như chi phí nghiên cứu, phát triển, quảng cáo lại đem đến cho DN những phương án kinh doanh mới. Chính vì lẽ đó, các DN cũng cần quản trị tốt những chi phí này.

Để quản trị tốt chi phí, nhà quản trị cũng cần xác định rõ mối quan hệ giữa giá bán, giá thành đơn vị, khối lượng bán và lợi nhuận thể hiện qua mô hình chi phí, khối lượng, lợi nhuận.

$$\pi = TR - TC = PX - (F + VX)$$

Trong đó:

$\pi$ : lợi nhuận hoạt động trong kỳ

TR: tổng doanh thu trong kỳ

TC: tổng chi phí trong kỳ

P: giá bán đơn vị

X: số lượng sản phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ

F: chi phí hoạt động cố định trong kỳ

V: chi phí biến đổi đơn vị hoạt động

Lợi nhuận = 0, tức là TR = TC, có nghĩa là PX = F + VX. Tỷ lệ đóng góp đơn vị là phần vượt quá của giá bán đơn vị so với chi phí biến đổi đơn vị gọi là số dư đảm phí, là phần bù đắp cho chi phí cố định được xác định P - V. Do đó, nhà quản lý sử dụng biên độ đóng góp đơn vị (số dư đảm phí) để quản trị chi phí.

## 5. Kết quả và bàn luận

Tất cả các nguồn lực mà DN đã chi ra trong quá trình sản xuất kinh doanh đều được chuyển thành chi phí. Nếu một DN không kết chuyển ngay các khoản chi phí mà cộng vào giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán cho đến khi nó được tiêu thụ, thì chi phí đó được gọi là chi phí sản phẩm và những chi phí đó có thể kiểm kê được dưới dạng kiểm kê hàng tồn kho. Ngược lại, những chi phí được kết chuyển hết trong một thời kỳ gọi là chi phí thời kỳ, những chi phí này không thể thực hiện việc kiểm kê.

Đối với báo cáo tài chính của đơn vị, chi phí sản xuất là chi phí sản phẩm thể hiện trên khoản mục hàng tồn kho. Nhà quản trị sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm cho ta thấy, mỗi đơn vị hàng hóa được sản xuất được tính bằng chi phí biến đổi tính cho một đơn vị sản phẩm cộng với một phần chi phí sản xuất cố định tính cho một đơn vị sản phẩm. Tuy nhiên, các DN chỉ có thể kiểm soát được chi phí sản xuất biến đổi, còn chi phí sản xuất cố định là chi phí mà DN phải chi ra trong thời gian hoạt động sản xuất. Do đó, có hay không sản xuất thì DN vẫn phải chịu khoản chi phí cố định này, ví dụ chi phí khấu hao máy móc thiết bị, chi phí thuê nhà xưởng...

Tất cả các chi phí mà DN chi ra đều cần thiết, để các nhà quản trị đưa ra các quyết định quan trọng nhằm kiểm soát tốt chi phí. Trên phương diện quản lý, nhà quản trị cần biết được biên độ đóng góp đơn vị (số dư đảm phí đơn vị) để quản trị chi phí hiệu quả. Để quản trị chi phí hiệu quả nhà quản lý cần sử dụng dữ liệu kế toán để đánh giá hiệu suất sử dụng nguồn lực kinh doanh của đơn vị, để đánh giá hiệu suất sử dụng nguồn lực

sản xuất kinh doanh các nhà quản trị sử dụng tỷ suất lợi nhuận để đánh giá.

Tỷ suất lợi nhuận đơn vị = Giá bán đơn vị - Toàn bộ chi phí cho mỗi đơn vị sản xuất và bán sản phẩm.

Tỷ suất lợi nhuận gộp đơn vị = Giá bán đơn vị - Chi phí sản xuất đơn vị để tạo ra sản phẩm.

Biên độ đóng góp đơn vị (số dư đảm phí) = Giá bán đơn vị - Chi phí biến đổi đơn vị để sản xuất và bán sản phẩm.

Xác định và kiểm soát chi phí rất hữu hiệu cho nhà quản trị, nó giúp nhà quản trị biết được chi phí nào có thể kiểm soát được. Từ đó, nhà quản trị thiết lập các quyết định nhằm ưu tiên cho những khoản chi phí mà DN có thể kiểm soát. Ví dụ, trong ngắn hạn, chi phí thuê nhà xưởng DN khó có thể kiểm soát được, nhưng số giờ lao động trực tiếp hoặc định mức nguyên vật liệu trực tiếp dùng để sản xuất sản phẩm thì DN có thể kiểm soát được, dựa vào đó nhà quản trị tập trung sự chú ý vào đây để có thể kiểm soát chi phí. Do đó, điều quan trọng là phải xác định được chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được.

Từ những vấn đề trên, tác giả đưa ra các phương án để quản trị chi phí kinh doanh hiệu quả:

### **Thứ nhất, xây dựng định mức chi phí**

Xây dựng định mức chi phí là bước đi đầu tiên DN cần hết sức lưu tâm, để có thể kiểm soát chi phí hiệu quả. Định mức này cần tuân theo những tiêu chuẩn gắn với từng trường hợp cụ thể. Điều này có thể thực hiện, dựa trên cơ sở phân tích hoạt động của DN. Như vậy, DN phải nghiên cứu các dữ liệu liên quan đến KTTTC, đặc biệt là dữ liệu liên quan đến tập hợp chi phí tính giá thành trước đây,

đưa ra sự so sánh chuẩn giữa thực tế và định mức. Bên cạnh đó, cũng cần căn cứ vào diễn biến giá cả trên thị trường và chiến lược phát triển kinh doanh của DN mình.

### **Thứ hai, xác định chi phí thực tế**

Xác định chi phí thực tế là bước kế tiếp sau khi xây dựng định mức chi phí, nó chính là việc thu thập thông tin về chi phí thực tế phát sinh. Công việc này không chỉ phòng kế toán, mà còn phải được sự tham gia của các phòng ban khác. Điều này sẽ giúp DN chủ động hơn, trong việc xử lý thông tin chi phí.

Các chi phí phải được phân loại cụ thể. Ngoài ra, DN phải phân tích biến động giá cả trên thị trường theo định kỳ. So sánh chi phí thực tế và chi phí định mức đã thiết lập. Điều này giúp dễ dàng xác định sự khác biệt giữa chi phí thực tế với định mức. Đồng thời, DN cũng dễ dàng tập trung xác định những nơi phát sinh chi phí biến động.

Sau khi điều tra và biết được nguyên nhân biến động chi phí, DN sẽ xác định các chi phí và kiểm soát được của từng bộ phận. Nhà quản trị phải thường xuyên đánh giá, phân tích các báo cáo chi phí. Để từ đó, có cách ứng xử thích hợp với nhân viên trong việc kiểm soát chi phí, đưa ra các chế độ thưởng phạt hợp lý.

### **Thứ ba, xây dựng ý thức tiết kiệm chi phí**

Nhà quản lý cần khuyến khích nhân viên tham gia quản lý chi phí, tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, trao đổi với nhân viên để nâng cao ý thức về tầm quan trọng kiểm soát chi phí tại DN. Đào tạo nhân viên nâng cao trình độ năng lực, tay nghề để từ đó có thể tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh.

**Thứ tư, thường xuyên yêu cầu nhân viên báo cáo kết quả hoạt động dưới dạng báo cáo thu nhập để đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong DN**

Nhà quản trị có thể sử dụng 03 loại báo cáo thu nhập sau đây, để đánh giá hiệu quả sản xuất cũng như kiểm soát chi phí:

Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh phục vụ cho KTTC, Bảng 1.

Báo cáo thu nhập cho việc ra quyết định, Bảng 2.

Đánh giá hiệu quả quản lý, Bảng 3.

**6. Kết luận**

Việc sử dụng thông tin kế toán để quản trị chi phí kinh doanh trong nền kinh tế thị trường luôn có sự biến đổi, mỗi DN cần sự nỗ lực và bền bỉ lâu dài. Quản trị chi phí là một bài toán khó, bắt buộc người quản lý phải mạnh tay và phân biệt rõ tiết kiệm ngân sách với cắt giảm chi phí và quan trọng hơn cả là phải truyền đạt ý tưởng này từng bước tới từng nhân viên trong đơn vị, thay vì giao phó toàn bộ cho KTQT chi phí. Để có thể áp dụng việc

quản trị chi phí kinh doanh hiệu quả phụ thuộc vào khả năng của nhà quản lý trong việc xây dựng hệ thống thông tin kế toán chặt chẽ, phù hợp và thuyết phục tất cả nhân viên thực hiện từng bước. Kết quả sẽ không xuất hiện ngay lập tức, nhưng chắc chắn về lâu dài các DN sẽ đạt được mục tiêu của mình. ■

**Tài liệu tham khảo**

Majercak, P., Cisko, S., Majercakova, E. (2013). *The Impact of Theory of Constraints on the Management Accounting*. 7th International Days of Statistics and Economics, Prague, Czech republic, isbn 978-80-86175-87-4, 894-904.

Kral, B. (2001). *Manazerske uctovnictvo*. Bratislava, Suvaha, ISBN 80-88727-45-6.

Sukalova, V., Ceniga, P. (2013). *The Activity Based Costing method - the way to higher effectiveness of the transport company*. *Factory prosperity podniku v lokalnim a globalnim prostredi optikou roku 2013, sbornik ze 7. mezinarodni vedecke konference 25. rijen 2013, Praha: Oeconomica*, ISBN 978-80-245-1959-3, 672-679.

Cisko S., Kliestik T. (2013). *Financny management podniku II*. EDIS Publishers, University of Zilina, Zilina, ISBN 978-80-554-0684-8, 775. Eschenbach R. (2004). *Controlling*. Aspi, isbn 8073570351, 193.

Lazar J. (2012). *Manazerske uctovnictvi a controlling*. Grada, ISBN 9788024741338.

Harold R. Kerzner. (2013). *Project Management: A Systems Approach to Planning, Scheduling, and Controlling*. John Wiley & Sons, ISBN 13 978-1118022276.

Kenneth, B. (2013). *Cost Accounting: For Dummies*. ISBN 10 111845380.

Majerova, J., Krizanova, A., Zvarikova, K. (2013). *Social media marketing and possibilities of quantifying its effectiveness in the process of brand value building and managing*. 9th International Scientific Conference on Financial Management of Firms and Financial Institutions, *Financial Management of Firms and Financial Institutions Ostrava*, ISSN 2336-162X, 476-485.

v.v....

**Bảng 1: Báo cáo kết quả hoạt động thuộc KTTC**

Doanh thu bán hàng	
Giá vốn hàng bán	
Lợi nhuận gộp	
Chi phí bán hàng và quản lý	
Lợi nhuận trước thuế	

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

**Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động cho quyết định quản lý**

Doanh thu bán hàng	
Trừ chi phí biến đổi	
- Chi phí sản xuất biến đổi.	
- Chi phí bán hàng và quản lý biến đổi.	
Tổng chi phí biến đổi.	
Số dư đảm phí	
Trừ chi phí cố định	
- Chi phí sản xuất cố định.	
- Chi phí bán hàng và quản lý cố định.	
Tổng chi phí cố định	
Lợi nhuận hoạt động	

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

**Bảng 3: Báo cáo thu nhập để đánh giá hiệu quả hoạt động**

Doanh thu bán hàng	
Trừ chi phí biến đổi	
Số dư đảm phí	
Chi phí cố định phân bổ cho các bộ phận	
Lợi nhuận hoạt động bộ phận	
Trừ chi phí cố định chung	
Lợi nhuận trước thuế	

(Nguồn: tác giả tổng hợp)